

Bản án số: 03/2017/HC-ST
Ngày: 24 – 8 - 2017
V/v khiếu kiện Quyết định
giải quyết tranh chấp đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Quy

2. Ông Nguyễn Thiện Tố

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-HC ngày 02 tháng 3 năm 2017 về khởi kiện quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hải Lăng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXXST-HC ngày 06/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 25/7/2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Trần Cao T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

(Ông Trần Cao T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2017); có mặt.

2. Người bị kiện:

Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Thị trấn H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Hoàng Văn V – Chủ tịch UBND huyện H.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:

Ông Nguyễn G – Phó Chủ tịch UBND huyện H (văn bản uỷ quyền ngày 17/8/2017); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm T và bà Trần Thị L; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/02/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/3/2017 ông Trần Cao T và bà Nguyễn Thị H khởi kiện với nội dung như sau:

Năm 2000, theo chủ trương của Nhà nước về việc giao đất trồng rừng của dự án Việt - Đức tại xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Trong đó, ban quản lý dự án Việt – Đức thiết kế chia lô, sau đó các hộ dân tiến hành bắt xấp. Kết quả, hộ gia đình ông Trần Cao T bắt được xấp số 01, nên đứng tên đăng ký 01, tương ứng với đất trồng rừng là Lô số 02, diện tích 1,5ha tại vùng Khe Rò. Sau khi được cấp đất trồng rừng, gia đình ông Thế có nhờ anh trai là Nguyễn Hữu A (thôn T, xã H) trồng rừng trong một thời gian đến khi con lớn sẽ lấy lại đất để thực hiện tiếp dự án trồng rừng, nhưng anh A không đồng ý vì tại thời điểm đó gia đình anh A cũng đang gặp khó khăn; lúc này ông Phạm T nghe tin thì đến nhà ông T xin mượn một nửa đất (khoảng 0,6ha) để trồng rừng và cam kết khi nào ông T đòi lại thì sẽ trả, việc mượn đất này không lập biên bản.

Năm 2006, thực hiện dự án, đã tiến hành đo đạc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong đó, đất của hộ ông T tại Lô số 2, diện tích thiết kế 1,5ha được đo vẽ lại có ký hiệu: thửa đất số 19, tờ bản đồ địa chính số 20 xã H, loại đất trồng rừng sản xuất (RSM), diện tích 11,185ha (giảm 0,315ha so với thiết kế dự án Việt - Đức) - hộ ông Trần Cao T có tên trong Sổ mục kê khai đất đai (trang số 62, lập ngày 16/11/2006, phê duyệt ngày 19/12/2006 số thứ tự thửa đất 19 (GDC), diện tích 11.850m², loại đất: trồng rừng sản xuất (RSM) (bản đồ địa chính do xí nghiệp trắc địa bản đồ 204 đo vẽ tháng 11/2006, Trung tâm kỹ thuật TN&MT tỉnh kiểm tra ngày 15/12/2006 và giám đốc sở TN&MT tỉnh phê duyệt ngày 19/12/2006).

Từ năm 2000 đến năm 2010 ông Trần Cao T đều đứng tên trong việc làm đơn xin khai thác và được sự đồng ý của chính quyền địa phương cho phép khai thác rừng với diện tích 1,5ha (bút lục 9 – 10). (Trong đó gồm 0,6ha mà theo ông T trình bày đã cho gia đình ông Phạm T mượn đất để trồng rừng).

Từ năm 2010 đến tháng 6/2015 hộ ông T bà L vẫn tiếp tục bỏ vốn để đầu tư trồng rừng với diện tích 0,6ha.

Năm 2015, UBND xã H thông báo cho các hộ có đất trồng rừng đến làm thủ tục hồ sơ để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; những hộ

không có tranh chấp thì đã được UBND huyện H ra quyết định cấp đất; trong đó, ông Nguyễn Hữu S (được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/01/2016), ông Trần S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/11/2016. Tại sơ đồ thửa đất của hộ ông Nguyễn Hữu S, ông Trần S đều xác định rõ: Đất ông Nguyễn Hữu S phía Nam giáp đất hộ ông Trần Cao T; đất Ông Trần S, phía Đông giáp đất hộ ông Trần Cao T. Vì vậy có thể xác định rằng trong sổ địa chính, sổ mục kê đất chỉ có tên hộ Trần Cao T mà không thể có tên ông Phạm T.

Ngày 06/9/2016, ông Trần Cao T làm đơn kiến nghị gửi đến UBND huyện H với nội dung yêu cầu UBND huyện H giải quyết tranh chấp và buộc gia đình ông Phạm T và bà Trần Thị L trả lại phần diện tích đất mà trước đây gia đình ông Trần Cao T đã cho gia đình ông Phạm T mượn để trồng rừng.

Ngày 12/12/2016, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 6935/QĐ-UBND (sau đây gọi là Quyết định 6935) về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Trần Cao T và bà Trần Thị L ở thôn, xã H. Nội dung Quyết định: “Công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Trần Thị L tại thửa đất số 19/2, tờ bản đồ địa chính số 20 xã H với diện tích 5.562m², loại đất trồng rừng sản xuất...”

Nhận thấy, Quyết định 6935 đã xâm phạm đến quyền lợi của mình, nên ông Trần Cao T và bà Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 6935/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện H.

Tại văn bản trình bày ý kiến của UBND huyện H và tại phiên tòa, đại diện người bị kiện trình bày:

Theo hồ sơ thiết kế đất trồng rừng của dự án Việt - Đức tại xã H, ông Trần Cao T có tên (theo thứ tự số 02) trong biểu số 01 – địa điểm và diện tích thiết kế từng lô do trung tâm điều tra quy hoạch thiết kế Nông – Lâm tỉnh Quảng Trị lập ngày 18/7/2000 tại lô số 02, tổng diện tích thiết kế 1,5ha.

Trong thời gian Ban QLDA Việt - Đức thiết kế chia lô, vì có một số hộ dân không đủ điều kiện thực hiện đảm bảo theo dự án. Do đó phải ghép chung thành nhóm hộ từ 1-3 hộ cùng làm và thống nhất 01 hộ đứng tên trong danh sách trồng rừng của dự án. Trong đó, Hộ ông Trần Cao T đứng tên đăng ký 01 lô đất trồng rừng là lô số 02, diện tích thiết kế 1,5ha tại khu vực Khe Rò để trồng rừng, đồng thời hộ ông Trần Cao T đã thoả thuận và thống nhất cho hộ bà Trần Thị L sử dụng 1/2 diện tích lô đất để trồng rừng (khoảng 0,75ha) theo ranh giới cắm mốc của từng hộ gia đình.

Đến năm 2006, thực hiện dự án, đã tiến hành đo đạc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong đó, đất của hộ ông T tại lô số 2, diện tích thiết kế 1,5ha được đo vẽ lại có ký hiệu: Thửa đất số 19, tờ bản đồ

địa chính số 20 xã H, loại đất trồng rừng sản xuất (RSM), diện tích 11,850ha (giảm 0,315ha so với thiết kế dự án Việt - Đức) - hộ ông Trần Cao T có tên trong Sổ mục kê khai đất đai (trang số 62, lập ngày 16/11/2006, phê duyệt ngày 19/12/2006 số thứ tự thửa đất 19 (GDC), diện tích 11.850m², loại đất: Trồng rừng sản xuất (RSM) (bản đồ địa chính do xí nghiệp trắc địa bản đồ 204 đo vẽ tháng 11/2006, Trung tâm kỹ thuật TN&MT tỉnh kiểm tra ngày 15/12/2006 và Giám đốc sở TN&MT tỉnh phê duyệt ngày 19/12/2006).

Ngày 11/10/2016, Thanh tra huyện đã tổ chức cuộc họp gồm đại diện các ngành chuyên môn cấp huyện (Hạt kiểm Lâm, phòng TN&MT huyện), đại diện UBND xã H, các ngành, đoàn thể của xã, thôn T và mời 02 hộ bà Trần Thị L và ông Trần Cao T để hoà giải và giải quyết tranh chấp đất trồng rừng. Kết quả hoà giải không thành.

Để có cơ sở xác định diện tích đất đang tranh chấp, ngày 17/11/2016 Thanh tra huyện họp đồng với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H với sự tham gia của đại diện UBND xã H và 02 hộ gia đình đến vị trí thửa đất đang tranh chấp để đo đạc. Căn cứ vào ranh giới sử dụng, qua đo đạc kết quả như sau: Diện tích phần đất đang tranh chấp (diện tích hộ bà L đang sử dụng từ năm 2000 đến năm 2015) là 5.562m² vị trí phần đất: Cạnh phía đông dài 137,77m giáp đất ông Trần Cao T đang sử dụng; cạnh phía Tây dài 93,59m giáp đất ông Trần S đang sử dụng, cạnh phía Nam dài 44,18m giáp hồ Khe Rò; cạnh phía Bắc dài 63,97m giáp đất ông Nguyễn Văn S đang sử dụng.

Ngày 12/12/2016 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 6935, với nội dung “Công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Trần Thị L tại thửa đất số 19/2, tờ bản đồ địa chính số 20 xã H với diện tích 5.562m², loại đất trồng rừng sản xuất theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013, lý do: Đất sử dụng liên tục, ổn định trong 15 năm, đúng mục đích trồng rừng sản xuất và được UBND xã xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; không công nhận đơn của ông Trần Cao T yêu cầu bà Trần Thị L trả lại đất với diện tích 5.562m² mà ông cho rằng vào năm 2000 ông cho bà L sử dụng đất để sản xuất.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 11/3/2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Thực hiện dự án rừng trồng Việt - Đức, 02 hộ ông Trần Cao T và hộ bà Nguyễn Thị L cùng bắt xăm chung 01 lô, đó là lô số 02 với diện tích 1,5ha và giao hộ ông Trần Cao T đứng tên. Từ năm 2000 đến năm 2015, cả 02 hộ đều sử dụng 1/2 diện tích đất để trồng rừng theo ranh giới đã cắm mốc sẵn; hàng năm, chế độ hỗ trợ của dự án được thông qua hình thức sổ tiết kiệm ngân hàng, khi nhận tiền về, ông T đều phân chia làm 02 phần. Vì vậy, việc ông Trần Cao T trình bày là không đúng sự thật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn sơ thẩm:

Về tố tụng:

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong giai đoạn sơ thẩm.

Về nội dung:

Nhận thấy Quyết định số 6935 không đảm bảo tính căn cứ pháp lý về thủ tục ban hành và nội dung giải quyết, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Trần Cao T và bà Nguyễn Thị H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 101 Luật đất đai 2013; Điều 88, 89, 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Cao T và bà Nguyễn Thị H, huỷ Quyết định 6935/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện H.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Ngày 06/9/2016 ông Trần Cao T có đơn kiến nghị gửi đến UBND huyện H yêu cầu UBND huyện H giải quyết tranh chấp đất đai. Ngày 12/12/2016 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 6935 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Trần Cao T và bà Trần Thị L. Đây là quyết định hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Về thời hiệu: Ngày 15/02/2017 ông Trần Cao T và bà Nguyễn Thị H trực tiếp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

2. Xét tính có căn cứ và hợp pháp của Quyết định hành chính bị kiện:

2.1 Về trình tự thủ tục ban hành quyết định:

Chủ tịch UBND huyện H đã ban hành quyết định số 6935 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Trần Cao T và bà Trần Thị L theo đúng trình tự, thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 203 Luật đất đai 2013. Tuy nhiên, việc thành lập Hội đồng hoà giải tại UBND cấp xã vào ngày 01/10/2015 và ngày 28/10/2015 là chưa đầy đủ thành phần theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, cụ thể: Biên bản hoà giải ngày 01/10/2015 thiếu Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND xã là Chủ tịch Hội đồng, đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đang tranh chấp; Biên bản ngày 28/10/2015 thiếu đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã và đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đang tranh chấp.

2.2 Về nội dung của Quyết định 6935:

Xem xét đến nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chủ tịch UBND huyện H căn cứ vào lý do: Đất sử dụng liên tục, ổn định trong 15 năm, đúng mục đích trồng rừng sản xuất và được UBND xã xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, đồng thời căn cứ vào Điều 100, Điều 101 Luật đất đai 2013 xác định ông Trần Cao T không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất từ đó công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Trần Thị L tại thửa đất số 19/2, tờ bản đồ địa chính số 20 xã H với diện tích 5.562m² là không có cơ sở, bởi vì:

Xét về nguồn gốc giao đất đối với hộ ông Trần Cao T, mặc dù không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 đối với thửa đất nói trên, nhưng hộ ông Trần Cao T có các loại giấy tờ, tài liệu chứng minh nguồn gốc đã được giao đất của cấp có thẩm quyền:

Thứ nhất: Tại Hồ sơ thiết kế trồng rừng năm 2000 của Dự án Việt Đức tại xã H thể hiện: Tại Biểu 1, địa điểm và diện tích thiết kế từng lô do Trung tâm điều tra quy hoạch thiết kế Nông Lâm tỉnh Quảng Trị lập tháng 7 năm 2000 có tên ông Trần Cao T (số thứ tự 2) tại Lô số 02, tổng diện tích thiết kế 1,5ha. Tại Hồ sơ Dự án trồng rừng năm 2004, các tỉnh Miền Trung bao gồm Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị do Cục phát triển Lâm nghiệp làm chủ dự án (trong đó ông Bùi Quang Linh - Phó Hạt trưởng Hạt kiểm Lâm huyện H ký tên, đóng dấu Hạt kiểm lâm H) thể hiện hộ ông Trần Cao T có diện tích trồng rừng 1.5ha, số hiệu lô số 02.

Thứ hai: Vào thời điểm năm 2006, thực hiện dự án, đã tiến hành đo đạc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong đó, đất của hộ ông Trần Cao T tại Lô số 2, diện tích thiết kế 1,5ha được đo vẽ lại có ký hiệu: Thửa đất số 19, tờ bản đồ địa chính số 20 xã H, loại đất trồng rừng sản

xuất (RSM), diện tích 11,850ha (giảm 0,315ha so với thiết kế dự án Việt - Đức); hộ ông Trần Cao T có tên trong Sổ mục kê khai đất đai (trang số 62, lập ngày 16/11/2006, phê duyệt ngày 19/12/2006 số thứ tự thửa đất 19 (GDC), diện tích 11.850m², loại đất: Trồng rừng sản xuất (RSM) - bản đồ địa chính do xí nghiệp trắc địa bản đồ 204 đo vẽ tháng 11/2006, Trung tâm kỹ thuật TN&MT tỉnh kiểm tra ngày 15/12/2006 và giám đốc sở TN&MT tỉnh phê duyệt ngày 19/12/2006).

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều luật Đất đai 2013 nêu rõ căn cứ để giải quyết tranh chấp đất đai trong trường hợp các bên tranh chấp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất thì phải căn cứ vào chứng cứ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất do các bên tranh chấp đất đai đưa ra.

Vì vậy, UBND huyện H căn cứ vào Điều 100 Luật đất đai 2013 xác định rằng hộ ông Trần Cao T không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất để từ đó công nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Trần Thị L là không có cơ sở.

Mặt khác, UBND huyện H cho rằng hộ gia đình bà Trần Thị L sử dụng đất tại thửa đất số 19/2, tờ bản đồ địa chính số 20 xã H với diện tích 5.562m², đất sử dụng liên tục, ổn định trong 15 năm (từ tháng 7/2000 đến tháng 6/2015), đúng mục đích trồng rừng sản xuất và được UBND xã xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất là không đúng với thực tế, bởi vì: Ngày 01/10/2015 và ngày 28/10/2015 UBND xã H đã tiến hành mời 02 hộ ông Trần Cao T và bà Trần Thị L đến UBND xã để tổ chức hoà giải về tranh chấp đất trồng rừng. Điều này khẳng định đã có tranh chấp xảy ra giữa 02 hộ ông Trần Cao T và hộ bà L. Tại phiên Toà hôm nay, bà Nguyễn Thị H khai, sau khi thực hiện xong dự án, từ đầu năm 2014 phía gia đình bà Huê đã yêu cầu gia đình ông Thốn bà L trả lại đất, nhưng ông Phạm T bà L không trả. UBND huyện H căn cứ vào xác nhận của UBND xã H là đất không có tranh chấp để công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Trần Thị L là không phản ánh đúng sự thật khách quan là đất đang có tranh chấp.

Theo đơn khởi kiện, tại buổi đối thoại và phiên toà ngày hôm nay, bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị L đều thừa nhận từ năm 2000 đến năm 2009 hộ bà Trần Thị L và hộ ông Trần Cao T mỗi hộ sử dụng 1/2 diện tích đất để trồng rừng theo ranh giới của từng hộ gia đình; hàng năm, chế độ hỗ trợ của dự án được thông qua hình thức sổ tiết kiệm tại ngân hàng, khi nhận tiền về, ông Trần Cao T đều phân chia cho hộ bà L theo quy định của dự án. Điều này chứng tỏ, hộ gia đình bà Trần Thị L đã được thụ hưởng hỗ trợ của dự án, đồng thời khai thác cây rừng đã trồng trong thời gian thực hiện dự án. Đến khi dự án kết thúc, gia đình ông Phạm T bà L không có giấy tờ, tài liệu chứng cứ để chứng minh quyền sử dụng đất.

Mặt khác, tại báo cáo số 28/BC-KL ngày 25/7/2017 của Hạt Kiểm lâm huyện H gửi UBND huyện H nêu rõ từ năm 1998-1999 đã có 634 hộ được cấp Giấy CNQSDĐ, còn 590 hộ chưa được cấp với lý do hai thôn Làng M và làng T thuộc xã H nhưng ranh giới 364 lại thuộc địa bàn xã HT quản lý nên việc ký xác nhận còn vướng mắc, kéo theo các hộ thuộc thôn khác xã H cũng không xác lập được quyền sử dụng đất. Và tại phiên Toà hôm nay, UBND huyện H khẳng định: Các hộ gia đình nhận đất trồng rừng thuộc dự án Việt Đức đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ khi nhận đất trồng rừng; ngoài việc hỗ trợ tiền, gạo, cây giống, phân bón để trồng rừng thì dự án còn hỗ trợ tiền để các hộ làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo quy định của dự án mỗi lô đất trồng rừng chỉ do một hộ đứng tên và khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ chỉ cấp cho hộ có tên trong hồ sơ của dự án.

Từ những căn cứ trên, xét thấy việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện H là không đảm bảo tính căn cứ pháp lý về thủ tục ban hành và nội dung giải quyết, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Trần Cao T và bà Nguyễn Thị H. Do đó, Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Cao T và bà Nguyễn Thị H. Huỷ Quyết định 6935 của Chủ tịch UBND huyện H.

Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại cho ông Trần Cao T và bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ vào Điều 88, 89, 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Huỷ toàn bộ Quyết định số 6935/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện H.

2. Về án phí: Án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng người bị kiện phải chịu, ông Trần Cao T và bà Nguyễn Thị H được hoàn trả lại số tiền án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AAA/2010/000476 ngày 02/3/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Người có qlnvql.
- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cường